

Số: 131/BC-THABB

An Bình, ngày 25 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện Công văn số 467/KH-PDĐT ngày 27 tháng 06 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Phú Giáo về việc triển khai thực hiện công tác công khai trong trường học năm học 2024-2025;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường Tiểu học An Bình B báo cáo thường niên năm học 2024 – 2025 như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường TH An Bình B, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

2. Địa chỉ: Ấp Bình Tiến, xã Bình, huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương.

Thư điện tử: th-anbinhb@pg.sgdbinhduong.edu.vn.

Trang web: <http://thanbinhb@pgdphugiao.edu.vn>

3. Sứ mạng, tầm nhìn

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực. Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện để tất cả các em học sinh đều cảm nhận được "Mỗi ngày đến trường là một ngày vui". Tạo điều kiện tốt nhất để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện nhằm phát triển tối đa các phẩm chất và năng lực của bản thân. Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển, vươn lên trong tương lai.

Tầm nhìn: Là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là ngôi trường thân thiện; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em; là nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập. Là một trong những trường tiểu có chất lượng giảng dạy trong huyện. Đào tạo thế hệ học sinh có truyền thống tự hào là học sinh trường TH An Bình B, là những công dân có ích cho gia đình và xã hội, là những con người mới XHCN, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống.

- Quá trình hình thành và phát triển: Trường Tiểu học An Bình B nằm trên

địa bàn Ấp Bình Tiến, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Tháng 7/1995 trường được thành lập trên cơ sở tách ra từ trường Tiểu học An Bình theo quyết định số 165/QĐ-UB ngày 13 tháng 7 năm 1995 của UBND huyện Đồng Phú, tỉnh Sông Bé. Trường Tiểu học An Bình B tọa lạc tại đường Vườn Ươm, ấp Bình Tiến, xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Diện tích khuôn viên nhà trường đảm bảo theo quy định về vệ sinh trường học của Bộ Y tế ban hành theo Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Nhà trường có tổng diện tích khuôn viên rộng 9.446 m² có kết cấu xây dựng 1 trệt 2 lầu trung bình 11.91m²/1 học sinh. Trường có 33 phòng học phục vụ cho 25 lớp, đảm bảo có đủ 1 phòng/1 lớp. Diện tích mỗi phòng 48 m², trung bình 1,5m²/1 học sinh, được xây dựng đúng quy cách, có đủ ánh sáng, 04 phòng chức năng và đầy đủ các phòng phục vụ cho công tác hành chính văn phòng có nhà ăn phục vụ công tác bán trú cho học sinh. Thực hiện theo Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Tiểu học An Bình B tiến hành thực hiện quy trình tự đánh giá kiểm định chất lượng giáo dục của đơn vị theo quy định và được công nhận đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 vào năm 2022.

4. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Đặng Thị Mơ

Số điện thoại: 0968 009 056

Thư điện tử: dangmo-thanbinhb@pg.sgdbinhduong.edu.vn

5. Tổ chức bộ máy nhà trường

+ Quyết định thành lập trường: Quyết định số 165/QĐ-UB ngày 13/7/1995 của UBND huyện Đồng Phú tỉnh Sông Bé về việc tách trường Tiểu học An Bình.

+ Quyết định thành lập trường: Quyết định số 65/2001/QĐ-UB ngày 08/02/2001 của UBND huyện Phú Giáo tỉnh Bình Dương về việc thành lập lại các Trường Tiểu học thuộc huyện Phú Giáo tỉnh Bình Dương.

+ Quyết định thành lập trường: Quyết định số 348/QĐ-UB ngày 22/01/2024 của UBND huyện Phú Giáo tỉnh Bình Dương về việc tổ chức lại trường Tiểu học An Bình B trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo.

+ Quyết định thành lập Hội đồng trường Trường Tiểu học An Bình B số 3664/QĐ-UBND ngày 01/8/2024 của Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo về việc kiện toàn Hội đồng trường Trường Tiểu học An Bình B nhiệm kỳ 2022-2026. Có 11 thành viên được cơ cấu gồm đại diện Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Hiệu trưởng, đại diện Công đoàn cơ sở, đại diện Chi Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, đại diện các tổ chuyên môn và tổ văn phòng, Phó chủ tịch UBND xã An Bình và Đại diện cha mẹ học sinh. Trong đó, bà Đặng Thị Mơ - Hiệu trưởng được bầu làm Chủ tịch hội đồng trường.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

Bộ phận	Tổng số	Nữ	Loại viên chức				Ghi chú
			Tập sự	Biên chế	Hợp đồng trong chỉ tiêu BC	Hợp đồng theo ND 111	
Cán bộ QL	02	01		02	/	/	
Giáo viên	38	32	0	38	/	/	
Công nhân viên	10	6	0	05	/	05	
Cộng	50	39	0	45	/	05	

Bộ phận	Tổng số	Nữ	Chuẩn nghề nghiệp giáo viên		Trình độ chuyên môn				Ghi chú
			Tốt	Khá	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	
Cán bộ quản lý	02	01	02	/	02	/	/	/	
Giáo viên	38	32	22	16	38	0	/	/	
Công nhân viên	10	6			3	01	01	05	
Cộng	50	39	24	16	43	01	01	05	

+ *Trình độ ngoại ngữ, tin học*

Bộ phận	Tổng số	Nữ	Trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh)				Trình độ tin học			Ghi chú
			ĐH	CĐ	B	A	ĐH CĐ	UD CN TT CB	UD CN TT NC	
Cán bộ QL	02	02	/		02		/	01	01	
Giáo viên	38	32	03		14	20	02	32	04	
Nhân viên	06	04	/	01	02	02	01	04		
Cộng	31	28	03	01	18	22	03	37	05	

+ Về tình hình đảng viên, trình độ lý luận chính trị

	Tổng số	Nữ	Trình độ lý luận chính trị			Đảng viên	Ghi chú
			Cử nhân	Trung cấp	Sơ cấp		
Cán bộ quản lý	02	01	/	02/01	/	02/01	
Giáo viên	38	32	/	03/02		18/15	
Nhân viên	10	06	/	/		03/02	
Cộng	50	39	/	05/03		23/18	

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	33	1 phòng/ 1 lớp
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	33	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	9.446	11.9m ² / hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	898	1.1m ² / hs
VI	Tổng diện tích các phòng	5.244,66	
1	Diện tích phòng học (m ²)	1617	
2	Diện tích phòng thiết bị (m ²)	106	
3	Diện tích thư viện (m ²)	106	
4	Diện tích nhà đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)		
5	Diện tích phòng khác (...)(m ²)		
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	25	1 bộ/ 1 lớp
1	Khối lớp 1	5	
2	Khối lớp 2	5	
3	Khối lớp 3	5	
4	Khối lớp 4	5	
5	Khối lớp 5	5	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	72	
IX	Tổng số thiết bị		

1	Ti vi	3	
2	Cát xét		
3	Đầu Video/đầu đĩa		
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	2	
5	Bộ âm thanh (amly, loa)	3	
6			

	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	169m²
XI	Nhà ăn	360,6 m²

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	/		
XIII	Khu nội trú	/		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		10		0.4m ² /HS
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

1.1. Đánh giá các tiêu chí theo kiểm định chất lượng:

1.1.1. Đánh giá tiêu chí mức 1, 2 và 3.

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả				Nội dung không đạt
	Không đạt	Đạt			
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	
Tiêu chuẩn 1					
Tiêu chí 1.1			x		
Tiêu chí 1.2			x		

Tiêu chí 1.3			X		
Tiêu chí 1.4			X		
Tiêu chí 1.5			X		
Tiêu chí 1.6			X		
Tiêu chí 1.7			X		
Tiêu chí 1.8			X		
Tiêu chí 1.9			X		
Tiêu chí 1.10			X		
Tiêu chuẩn 2					
Tiêu chí 2.1			x		
Tiêu chí 2.2			X		
Tiêu chí 2.3			X		
Tiêu chí 2.4			x		
Tiêu chuẩn 3					
Tiêu chí 3.1			x		
Tiêu chí 3.2			x		
Tiêu chí 3.3			x		
Tiêu chí 3.4			x		
Tiêu chí 3.5			x		
Tiêu chí 3.6			x		
Tiêu chuẩn 4					
Tiêu chí 4.1			x		
Tiêu chí 4.2			x		
Tiêu chuẩn 5					
Tiêu chí 5.1			x		
Tiêu chí 5.2			x		
Tiêu chí 5.3			x		
Tiêu chí 5.4			x		
Tiêu chí 5.5			x		

TT	Tiêu chuẩn	Tổng số tiêu chí	Đã hoàn thành tự đánh giá		Đã đánh giá ngoài		Kết quả số lượng tiêu chí Tự đánh giá đạt theo yêu cầu					Ghi chú
			Số lượng	%	Số lượng	%	Không đạt	Đạt cấp độ 1	Đạt cấp độ 2	Đạt cấp độ 3	Đạt cấp độ 4	
1	Tiêu chuẩn 1	10	10/10	100	10/10	100			10/10			
2	Tiêu chuẩn 2	4	4/4	100	4/4	100			4/4			
3	Tiêu chuẩn 3	6	6/6	100	6/6	100			6/6			
4	Tiêu chuẩn 4	2	2/2	100	2/2	100			2/2			
5	Tiêu chuẩn 5	5	5/5	100	5/5	100			5/5			
	Cộng											

Kết luận:

+ Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 vào tháng 8/2022 theo QĐ Số:1081/QĐ-SGDĐT ngày 15/8/2022 của sở Giáo dục Đào tạo tỉnh Bình Dương.

+ Đánh giá theo Chuẩn quốc gia: Trường đạt chuẩn quốc gia Mức độ 1 vào tháng 8 năm 2022 theo QĐ Số:1975/QĐ-UBND tỉnh Bình Dương ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh Bình Dương qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến, chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm trường tự đánh giá.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Thông tin chất lượng giáo dục tiểu học thực tế học kỳ I, năm học 2024-2025

Môn học	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	H	C	T	H	C	T	H	C	T	H	C	T	H	C
T Việt	62	83	11	69	86	3	71	99	2	69	84	4	61	86	1
Toán	71	75	10	69	86	3	73	94	5	61	91	5	67	81	0
Đ đức	73	83	0	75	83	0	85	87	0	75	82	0	80	68	0
TNXH	72	84	0	74	84	0	83	89	0						
K học										80	75	2	77	71	0
LS,ĐL										86	70	1	79	69	0
Ânhạc	64	92	0	55	103	0	67	105	0	71	86	0	68	80	0
Mthuật	66	90	0	65	93	0	74	98	0	66	91	0	68	80	0
HĐTN	67	89	0	75	83	0	82	90	0	69	88	0	79	69	0
GDTC	72	84	0	66	92	0	71	101	0	72	85	0	87	61	0
CNghệ							78	92	2	68	88	0	66	82	0
T học							75	97	0	72	84	1	64	84	0
T Anh	42	110	4	56	100	2	67	97	8	81	71	5	40	98	10

Năng lực	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
TC và TH	70	75	11	71	84	3	77	92	3	65	89	3	68	79	1
GT và HT	75	73	8	71	87	0	77	92	3	69	88	0	74	74	0
GQVĐ và ST	71	77	8	70	85	3	76	92	4	65	89	3	71	77	0
Ng ngữ	77	70	9	72	85	1	76	93	3	68	89	0	75	73	0
Tính toán	77	71	8	69	89	0	76	92	4	65	92	0	73	75	0
Khoa học	67	86	3	69	89	0	77	95	0	65	92	0	78	70	0
Công nghệ							76	96	0	65	92	0	79	69	0
Tin học							76	96	0	65	92	0	74	74	0
Thẩm mĩ	70	84	2	70	84	2	75	97	0	66	91	0	70	78	0
Thể chất	70	84	2	70	84	2	76	96	0	67	90	0	70	78	0

Phẩm chất	Khối 1			Khối 2			Khối 3			Khối 4			Khối 5		
	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C	T	Đ	C
Yêu nước	73	83	0	71	87	0	77	95	0	72	85	0	80	68	0

Nhân ái	74	82	0	71	87	0	77	95	0	74	83	0	80	68	0
Chăm chỉ	69	81	0	69	89	0	77	95	0	71	83	3	69	78	1
Trung thực	78	78	0	71	87	0	77	95	0	70	87	0	77	71	0
Trách nhiệm	69	85	2	70	88	0	77	95	0	68	88	1	76	72	0

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024, quý I năm 2025)

Ngân sách nhà nước năm 2024					
S TT	Nguồn	DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng	DT giữ lại	DT còn lại
1	Kinh phí thường xuyên	10.224.869.000	10.185.148.000	39.721.000	39.721.000
2	Kinh Không thường xuyên	1.553.066.000	880.992.535	27.250.000	672.073.465
3	KP không tự chủ cấp sau ngày 30/9	50.000.000	35.280.000		14.720.000
4	Kinh phí khen thưởng	251.985.000	251.964.600	0	20.400
	Tổng	12.079.920.000	11.353.385.135	66.971.000	726.534.865

Ngân sách nhà nước quý 1/ 2025					
S TT	Nguồn	DT năm trước chuyển sang	DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng	DT còn lại
1	Kinh Không thường xuyên	336.966.010	1.297.095.010	146.004.820	1.151.090.190
2	Kinh phí thường xuyên		11.757.145.000	2.870.023.847	8.887.121.153
3	Tổng		13.054.240.010	3.016.028.667	10.038.211.343

b) Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

2.	Căn cứ Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Năm 2024				
STT	Nguồn	DT năm trước chuyển sang	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn 30.000đ/ ngày/ hs		2.851.902.791	2.851.902.791	0

2	Tổ chức nấu ăn 165.000đ/ hs/tháng	6.742.500	744.227.500	750.970.000	0
3	Buổi hai 4.600đ/ tiết/hs	8.666.640	734.320.500	742.987.140	0
4	Vệ sinh phí 11.000đ/ tháng/hs	0	68.448.000	68.488.000	0
	Tổng	15.409.140	4.398.938.791	4.414.347.931	0

Căn cứ Nghị Quyết 01/2023/NQ-HĐND ngày 19/5/2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Dương Quý I /Năm 2025				
STT	Nguồn	Tổng thu	Tổng chi	Tồn
1	Tiền ăn 30.000đ/ ngày/ hs	893.220.000	893.220.000	0
2	Tổ chức nấu ăn 165.000đ/ hs/tháng	232.155.000	223.452.732	8.702.268
3	Buổi hai 4.600đ/ tiết/hs	265.508.250	260.754.575	4.753.675
4	Vệ sinh phí 11.000đ/ tháng/hs	24.981.000	20.374.200	4.606.800
	Tổng	1.415.864.250	1.397.801.507	18.062.743

Công tác bán trú: Trong năm học nhà trường thực hiện công khai thực đơn học sinh ăn bán trú hàng ngày, hàng tuần trên nhóm lớp bán trú, trên Website để PHHS nắm và biết chế độ ăn trưa, ăn xế của học sinh.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ KHÁC

1. Quy mô trường, lớp, học sinh

Tổng số lớp: 25, tổng số HS đầu năm: 796/391 nữ, Số HS đến tháng 4/2025: 793/388 nữ, giảm 4 HS so với đầu năm. HS khuyết tật: 14/3 nữ, HS dân tộc: 16/8 nữ, cụ thể như sau:

Tổ	Đầu năm			Đến tháng 4		Tăng		Giảm		HSKT		HSDT	
	Số lớp	TS	Nữ	TS	Nữ	SL	Lý do	SL	Lý do	SL	Nữ	SL	Nữ
1	4	158	82	155	80			3/2	C đi	1		5	2
2	5	159	78	160	78	1	C đến			1		4	3
3	5	174	80	172	78			2/2	C đi	5	1	3	2
4	4	158	76	158	77	1/1	C đến	1	C đi	4	1	1	0
5	5	147	75	148	75	1	C đến			3	1	3	1
TC	23	796	391	793	388	3/1	C đến	6/4	C đi	14	3	16	8

Duy trì sĩ số học sinh từ đầu năm học đến tháng 4/2025, không có học sinh bỏ học; số học sinh giảm 03 em so với đầu năm.

2. Công tác chỉ đạo thực hiện tuyển sinh đầu cấp

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, phối hợp với địa phương rà soát, vận động, đưa trẻ ra lớp. Kế hoạch tuyển sinh được thông báo đến địa phương, kết quả học sinh 6 tuổi trong địa bàn ra lớp tỷ lệ 100%.

3. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

3.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục. Kết quả việc tổ chức xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học, KHBD

- Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1, năm học 2021-2022 đối với lớp 2, năm học 2022-2023 đối với lớp 3, năm học 2023-2024 đối với lớp 4, năm học 2024-2025 đối với lớp 5.

- Đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục từ đầu năm học làm cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động tại đơn vị, hướng dẫn các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch giáo dục môn học.

Căn cứ thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy/môn/tiết có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Kết quả:

100% giáo viên có kế hoạch bài dạy đã được duyệt khi lên lớp. Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc như: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Hoạt động trải nghiệm, Khoa học, Lịch sử - Địa lý. Ngoài ra trường còn tổ chức các hoạt động củng cố để HS tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi tiết 35 phút; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học

Đối với lớp 5: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 đơn vị đã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS để tiếp cận Chương trình GDPT 2018 đơn vị xây dựng kế hoạch giáo dục từ đầu năm học làm cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động tại đơn vị, hướng dẫn các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch giáo dục môn học.

Căn cứ văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy/môn/tiết có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Giáo viên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh, thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp

ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng HS, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chưa phù hợp, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung chưa thực sự cấp thiết đối với HS tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng HS; tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục

Đơn vị rất quan tâm việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, dạy học STEM ở các môn học, hoạt động giáo dục để giúp HS có kỹ năng thực hành, phát triển kỹ năng sống, đã thành lập “Câu lạc bộ Thất lá dừa và bánh dân gian” hoạt động thường xuyên, liên tục hàng tháng đã thu hút được sự quan tâm, đồng hành của cha mẹ học sinh, tạo điều kiện giúp học sinh phát triển kỹ năng sống cơ bản; đã nâng cấp vườn thuốc Nam, xây mới vườn rau, củng cố góc thư viện, góc học tập, tạo điều kiện để học sinh được trải nghiệm, học tập đạt hiệu quả.

3.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học.

Tổ chức dạy tiếng Anh tự chọn lớp 1,2,5. Lớp 3,4 học tiếng anh bắt buộc theo chương trình GDPT 2018. Tổ chức cho học sinh lớp 1,2 làm quen tin học, lớp 5 tự chọn tin học 2 tiết/tuần. Lớp 3,4 học Tin học bắt buộc theo chương trình GDPT 2018

100% học sinh của trường được học tiếng Anh, Tin học.

4. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

4.1. Đối với giáo dục STEM

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT cấp tiểu học.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; Bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả: 100% lớp thực hiện bài học Stem.

4.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, Đơn vị đã triển khai chuyển đổi số trong duyệt kế hoạch bài dạy, Xây dựng phòng học trực tuyến. Chỉ đạo tổ chức học bạ số từ lớp 1-4. Thực hiện hồ sơ chuyên môn và trao đổi thông tin

liên quan công tác chuyên môn. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện.

5. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

Căn cứ tài liệu giáo dục địa phương các lớp 1, 2, 3, 4 được Bộ GD&ĐT phê duyệt, đơn vị đã xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương theo hướng tích hợp, lồng ghép vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của HS theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho HS khi thực hiện, đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT theo Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương của địa phương cấp tiểu học và Công văn số 2773/SGDĐT-GDMNTH ngày 03/11/2023 về việc hướng dẫn nội dung giáo dục địa phương đối với lớp 4 của Sở GD&ĐT.

Giáo viên sử dụng nội dung “Địa phương em” của tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 kết hợp với định hướng tổ chức dạy học trong chủ đề “Địa phương em” của SGK môn Lịch sử và Địa lí 4 đã được địa phương lựa chọn để tổ chức dạy học theo Công văn số 5576/BGDĐT-GDTH ngày 02/12/2021 về việc Hướng dẫn biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục “Địa phương em” trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 cấp tiểu học.

6. Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 5

Công tác lựa chọn sách giáo khoa của nhà trường được thực hiện từ sau ngày 01/3/2024 đến hết ngày 25/3/2024 theo Điều 7, Chương III, Thông tư số 27/2023/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Hoàn tất hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa đúng thời gian qui định và báo cáo về Phòng Giáo dục&Đào tạo.

Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 5, năm học 2024-2025 đã làm việc nghiêm túc, đúng quy trình, đúng quy định. Các buổi làm việc của hội đồng lựa chọn SGK nghiêm túc, làm việc nhiệt tình, nghiêm túc, trách nhiệm, công khai. Tất cả thành viên đều có mặt đầy đủ, đúng giờ và tham gia góp ý, làm việc trách nhiệm, hiệu quả.

Hội đồng đã tổ chức thẩm định biên bản các cuộc họp của tổ chuyên môn; các phiếu nhận xét, đánh giá sách giáo khoa của giáo viên; danh mục sách giáo khoa do các tổ chuyên môn lựa chọn. Hội đồng đã đề xuất với Hiệu trưởng danh mục SGK lớp 5 đã được các tổ chuyên môn lựa chọn theo đúng quy định tại Thông tư 27.

7. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

7.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng dạy học phân hóa, dạy học tích hợp và dạy học thông qua các hoạt động nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của HS; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

7.2. Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Đối với HS lớp 5 tiếp tục thực hiện đánh giá theo Văn bản hợp nhất Thông tư số 30/2014/TT-BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT GDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh.

Đối với HS lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT.

100% cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý kết quả giáo dục và học tập của HS để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho GV quan tâm đến HS và nâng cao hiệu quả các phương pháp dạy

Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp 5 rà soát hồ sơ học sinh. Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên dạy lớp 5 họp xét hoàn thành chương trình tiêu học, thực hiện nghiêm túc việc tổ chức bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để HS “ngồi nhầm lớp”; GVCN thực hiện đề nghị khen thưởng HS thực chất, đúng quy định.

Thực hiện biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo quy định, đúng các mức độ theo tinh thần tập huấn của Sở GD&ĐT.

8. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật

Toàn trường có 16/8 nữ học sinh là người dân tộc thiểu số, các em được tham gia đầy đủ các hoạt động học tập và rèn luyện, đảm bảo cho học sinh đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học.

Số học sinh khuyết tật học hòa nhập là 14/3 nữ, các em được điều chỉnh linh hoạt về tổ chức dạy học, chương trình, phương pháp dạy học, đánh giá, xếp loại và thực hiện thiết lập hồ sơ theo dõi quá trình tiến bộ của học sinh khuyết tật đúng quy định.

9. củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

a) Về đội ngũ GV và CBQL giáo dục

- Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên là 50/39 nữ trong đó, CBQL: 02/1 nữ, giáo viên 38/32 nữ, Nhân viên: 10/6 nữ.

b) Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Đơn vị đã chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có

kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học hiệu quả. Tăng cường sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học, ...), huy động nguồn lực hỗ trợ CSVN cho nhà trường đúng quy định để đảm bảo việc tổ chức dạy học hiệu quả đáp ứng nhu cầu dạy-học của GV-HS thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

c) Về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD-XMC xã An Bình huy động 100% trẻ đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ). và Bộ GD&ĐT (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện đảm bảo nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định, lưu trữ hồ sơ, minh chứng năm học làm cơ sở tái công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

d) Hoạt động khác

Thực hiện chương trình công tác đội và phong trào thiếu nhi năm học 2023-2024, Liên đội trường tiểu học An Bình B đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa như tìm hiểu lịch sử Đoàn – Đội – Bác Hồ cho học sinh khối 4 và 5 cấp trường, tổ chức thi nghi thức đội cấp trường. Triển khai thực hiện chương trình phát động thu gom vỏ hộp sữa theo chuyên đề 02 của Tỉnh. Tổ chức thành công ngày hội thiếu nhi vui khỏe tiến bước lên đoàn.

Nhằm phát triển năng lực cho học sinh, trong năm học, nhà trường đã tổ chức các hoạt động mang tính trải nghiệm, sáng tạo, thu hút đông đảo các em tham gia như: Ban giám hiệu nghiên cứu kỹ các văn bản chỉ đạo về công tác dạy học trải nghiệm sáng tạo, triển khai đầy đủ các nội dung đến cán bộ giáo viên của trường. Trên cơ sở đó, nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học và các hoạt động trải nghiệm theo từng tuần, tháng trong năm học 2023-2024 và học kì I năm học 2024-2025.

Tổ chức vui tết Trung thu và Hội thi làm Lồng đèn đẹp vào tháng 9 năm 2024 có 796 học sinh tham gia (kết quả đạt 5 giải nhất, 5 giải nhì, 5 giải ba). Tổ chức Hội thi MC măng non – MC học đường cấp trường và tham gia cấp huyện. Phát động tham gia hội thi nhà sử học nhỏ tuổi cấp huyện. Phối hợp GVMT phát động hội thi vẽ tranh Tiết kiệm điện. Tổ chức hoạt động chào

mừng ngày nhà giáo Việt nam 20/11 như: Hoạt động trải nghiệm văn nghệ chúc mừng ngày 20/11. Mời cựu chiến binh xã tuyên truyền Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12 và tổ chức hoạt động Ngày của con; Duy trì tiếng hát đầu giờ. Tổ chức vui văn nghệ trong các ngày lễ lớn như: Lễ hội khai trường, 20/11, sơ, tổng kết... Tổ chức thi trò chơi dân gian, kể chuyện theo sách. Thực hiện trang trí lớp học, trồng cây xanh, cây cảnh tạo không khí trong lành giúp các em học tập tốt hơn. Tổng số có 25 phòng học bố trí mỗi phòng một giỏ rác, thực hiện vệ sinh môi trường an toàn-xanh-sạch –đẹp. Thực hiện đúng quy định trang phục đối với giáo viên và học sinh ngay từ đầu năm học. Hàng tuần vào thứ sáu Đoàn Thanh niên tổ chức ngày MT xanh; công trình đoàn thanh niên, 1 lần/Tuần, Tết trồng cây,... Phối hợp với trung tâm y tế xã tập huấn cho đội thiếu niên xung kích về cách phòng chống tai nạn thương tích như đuối nước, điện giật, tai nạn giao thông... Thường xuyên tuyên truyền giáo dục học sinh không chơi các trò chơi nguy hiểm, bạo lực. Nâng cao kỹ năng tự bảo vệ bản thân trước những tai nạn có thể xảy ra trong cuộc sống. Giáo dục học sinh nâng cao ý thức bảo vệ môi trường qua các việc làm thiết thực gần gũi trong cuộc sống như: Không xả rác bừa bãi trong sân trường, lớp học. Không phá hoại cây xanh. Tham gia lao động vệ sinh sân trường một tuần một lần. Trồng hoa, cây xanh tạo bóng mát, vẻ đẹp trên sân trường. Trang trí lớp học. Thực hiện phong trào kế hoạch nhỏ: thu gom rác, giấy có thể tái chế. Thường xuyên tuyên truyền, giáo dục các em trong các buổi sinh hoạt chào cờ đầu tuần, sinh hoạt lớp, sinh hoạt tập thể. Lồng ghép vào chương trình giảng dạy. Phối hợp ban ATGT tại địa phương tuyên truyền giáo dục, hướng dẫn các em. Công ty Hon Đa tặng 150 mũ bảo hiểm cho 150 học sinh lớp 1. Cùng cố các hoạt động của Chi đoàn, Liên đội ngay từ đầu năm học. Tổ chức tốt Đại hội Chi đoàn, Đại hội Liên đội đầu năm. Xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện trong năm học. Triển khai chương trình rèn luyện Đoàn viên, nhi đồng và đội viên. Đẩy mạnh hoạt động Đoàn, đội, sao nhi đồng, nâng cao chất lượng sinh hoạt cả về nội dung lẫn hình thức, thực hiện tốt chương trình rèn luyện đội viên.

Các hoạt động trải nghiệm và Stem trong trường tiểu học

Đối với lớp 1, 2, 3 và 4 học sinh được học các tiết trải nghiệm theo thời khóa biểu (3 tiết/ tuần)...Thực hiện dạy học theo hướng trải nghiệm sáng tạo đã thống nhất với tổ trưởng và các giáo viên soạn, dạy cho học sinh. Giúp các em được trải nghiệm thực tế, vận dụng vào bài học, thực hành ngay trên lớp giúp các em hứng thú học tập, nhớ lâu,...làm vườn rau cho học sinh khối 4,5 cùng trải nghiệm trồng rau; tất cả học sinh các khối lớp trồng, chăm sóc cây cảnh trong và ngoài lớp học; tổ chức lao động vệ sinh môi trường; tổ chức trò chơi dân gian; tổ chức cho học sinh trải nghiệm trang trí lồng đèn đẹp trong chương trình “ Vui hội trăng rằm” kết quả có 25 lồng đèn được trang trí và trao giải 5 giải nhất, 5 giải nhì và 5 giải 3, 5 giải KK. Hội thi kể chuyện theo sách cấp trường. Tham gia Hội thi MC học đường cấp huyện. Phát động tham gia hội thi nhà sử học nhỏ tuổi cấp huyện. Phối hợp GVMT phát động hội thi vẽ tranh Tiết kiệm điện. Tổ chức hoạt động chào mừng ngày nhà giáo Việt nam 20/11 như: hoạt động trải nghiệm văn nghệ chúc mừng ngày 20/11. Ngày của con, trang trí gian hàng, mâm ngũ quả, mai, đào,.. Tổ chức các hoạt động mang tính trải

nghiệm, sáng tạo, thu hút đông đảo các em tham gia như: Tổ chức Hội thi vẽ tranh về Chủ Bộ đội, trang trí heo đất, trang trí nón lá và các sản phẩm stem trong ngày hội stem,... Tổ chức các lớp lao động trải nghiệm sáng tạo vườn rau của em. Tổ chức sinh hoạt sao Nhi đồng cho khối 1,2,3, đổi quà cho các khối lớp, trang trí mai, đào cho học sinh khối 4,5 và mâm ngũ quả cho học sinh lớp 1,2,3. Tổ chức trang trí tiểu cảnh Tết cho tất cả học sinh trải nghiệm.

- Thực hiện tốt các công tác vận động ủng hộ, nhân đạo từ thiện do cấp trên và địa phương tổ chức. Kết quả:

- + Mua chổi ủng hộ người mù: 900.000 đồng.
- + Mua tắm ủng hộ người mù trị giá: 2.800.000 đồng.
- + Ủng hộ quỹ tương trợ: 6.240.000 đồng.
- + Ủng hộ quỹ vì người nghèo: 3.800.000 đồng.
- + Ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa: 4.900.000 đồng.
- + Ủng hộ thiên tai, lũ lụt: 1.935.000 đồng.
- + Ủng hộ Bão YAGI : 14.153.000 đồng.
- + Ủng hộ trung tâm trẻ KT Đà Nẵng: 5.900.000 đồng
- Tổng cộng: 40.628.000 đồng.

- Phối hợp với các ban ngành tặng học bổng và quà cho những em có thành tích học tập tốt và những em có hoàn cảnh khó khăn. Kết quả:

- + Mạnh thường quân xã An Bình tặng 25 phần quà: 5.000.000 đồng.
- + Hội CTĐ phối hợp với nhóm Thực Bích và những người bạn tặng 250 quyển tập trị giá 2.500.000 đồng cho 25 em học sinh.
- + Nhận 25 bộ quần áo do Hội phụ nữ xã An Bình tặng: 2.750.000 đồng.
- + Nhận 2 suất học bổng do Quỹ khuyến học Phú Giáo: 6.000.000 đồng.
- + Nhận 1 suất học bổng Hotamin: 1.000.000 đồng.
- + Nhận 1 suất học do câu lạc bộ nữ lãnh đạo huyện Phú Giáo: 1.000.000 đồng.
- + Ban đại diện CMHS tặng 5 suất BHYT cho học sinh khó khăn trị giá 4.250.000 đồng.

Tổng cộng: 22.500.000 đồng/84 suất.

10. Công tác truyền thông

Trong năm học 2023-2024, và học kỳ I năm học 2024-2025 nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của ngành GDĐT về đổi mới và phát triển giáo dục. Tuyên truyền một số văn bản quy phạm pháp luật của ngành giáo dục và đào tạo. Tuyên truyền những kết quả đạt được để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục tiểu học. Tuyên truyền nội dung

chương trình GDPT 2018, đổi mới chương trình sách giáo khoa cấp tiểu học, chú trọng các nội dung liên quan đến lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và công tác chuẩn bị đối với lớp 5 từ năm học 2024-2025.

Tuyên truyền thông tin đến phụ huynh học sinh điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ đảm bảo tổ chức hoạt động giảng dạy. Công bố điều kiện tuyển sinh, khu vực tuyển sinh cho phụ huynh và nhân dân được rõ để phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục học sinh.

Công tác tuyên truyền, thông tin được nhà trường thực hiện bằng nhiều hình thức như phối hợp với đài truyền thanh huyện Phú Giáo, loa phát thanh của UBND xã An Bình để thông tin đến toàn thể phụ huynh học sinh. Thực hiện tuyên truyền qua các buổi họp phụ huynh học sinh, họp hội đồng sư phạm, qua zalo nhóm lớp, qua băng rôn, áp phích,... Đặc biệt, xây dựng trang Web của đơn vị với đa dạng nội dung, thông tin đầy đủ, kịp thời, là nơi kết nối các hoạt động giáo dục của nhà trường với CMHS.

Nhờ thực hiện tốt công tác truyền thông nên đội ngũ giáo viên nhà trường nắm bắt được các chính sách, chủ trương của ngành, các bậc cha mẹ học sinh nắm rõ hoạt động của nhà trường từ đó phối hợp tốt trong công tác giáo dục học sinh.

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm học 2024-2025 của Trường Tiểu học An Bình B./

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Phú Giáo;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Đặng Thị Mơ